

Số: 58 /QĐ-CDGTVT TW V

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho học sinh khoá tuyển sinh năm 2018
trình độ Trung cấp-Đào tạo theo phương thức tích lũy MD hoặc tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Căn cứ Quyết định số 1671/2001/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải II nay là trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Quy định thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-CDGTVT TW V ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Biên bản họp ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V, về việc xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho học sinh khóa tuyển sinh năm 2018 trình độ Trung cấp - Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho **24 học sinh** khóa tuyển sinh năm 2018 trình độ Trung cấp - Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ. Trong đó:

1. Nghề Kỹ thuật xây dựng - Lớp TC18XD1: **02 học sinh** (01 Giỏi, 01 Khá)
2. Nghề Lập trình/ Phân tích hệ thống - Lớp TC18T1: **02 học sinh** (02 Khá)
3. Nghề Hàn - Lớp TC18H1: **03 học sinh** (03 Khá)
4. Nghề Điện công nghiệp và dân dụng - Lớp TC18ĐD1: **08 học sinh**
(01 Xuất sắc, 02 Giỏi, 04 Khá)
5. Nghề Bảo trì và sửa chữa ô tô - Lớp TC18CS1: **05 học sinh** (02 Khá)
6. Nghề Vận hành máy thi công nền - Lớp TC18VHM1: **04 học sinh** (04 Khá)

(có danh sách kèm theo)



Điều 2. Học sinh tốt nghiệp được cấp bằng Trung cấp theo quy định của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Trường các đơn vị: Phòng đào tạo, phòng Công tác chính trị & quản lý học sinh sinh viên, phòng Tài chính kế toán; trường các đơn vị liên quan và học sinh có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành. / *Hy*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, ĐT. *Hy*

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương Dung



DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP KHÓA 2018 ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THÁNG 01/2021

(Kèm theo Quyết định số: 38/QĐ-CDGTVTW V ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

I. NGHỀ KỸ THUẬT XÂY DỰNG - LỚP TC18XD1 (02 HỌC SINH)

STT	Mã số học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	185580201110	Bùi Ngọc Thanh	02/08/2000	Nam	Thanh Hóa	86	Tốt	47	47	0	3.28	Giỏi	
2	185580201104	Trương Công Viên	18/03/2003	Nam	Đà Nẵng	74	Khá	57	57	2	2.78	Khá	

II. NGHỀ LẬP TRÌNH/ PHÂN TÍCH HỆ THỐNG - LỚP TC18T1 (02 HỌC SINH)

STT	Mã số học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	185510216213	Đào Văn Tuấn	16/12/2000	Nam	Đà Nẵng	78	Khá	43	43	0	3.13	Khá	
2	185480211108	Lê Thành Nhân	15/02/1996	Nam	Đà Nẵng	75	Khá	53	53	0	2.98	Khá	

III. NGHỀ HÀN - LỚP TC18H1 (03 HỌC SINH)

STT	Mã số học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	185520123106	Lê Tấn Vĩnh	10/03/2000	Nam	Quảng Ngãi	81	Tốt	63	63	1	3.20	Khá	
2	185520121102	Hồ Ngọc Tài	18/02/2003	Nam	Quảng Trị	78	Khá	63	63	1	2.75	Khá	
3	185520123105	Đinh Quốc Trung	28/07/2000	Nam	Quảng Nam	70	Khá	53	53	1	2.74	Khá	

IV. NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG - LỚP TC18DD1 (08 HỌC SINH)

STT	Mã số học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	185520223117	Nguyễn Đức Lộc	20/04/1998	Nam	Quảng Ngãi	87	Tốt	47	47	0	3.70	Xuất sắc	
2	185520223101	Đào Công Mạnh	01/08/2000	Nam	Quảng Trị	84	Tốt	47	47	0	3.53	Giỏi	
3	185520223113	Lê Văn Đức Nghĩa	15/06/1999	Nam	Quảng Trị	86	Tốt	47	47	0	3.23	Giỏi	
4	185520223139	Trần Văn Tiến	28/07/1998	Nam	Quảng Ngãi	73	Khá	47	47	0	3.18	Khá	
5	185520223118	Nguyễn Đức Thiện	16/05/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	47	47	0	3.02	Khá	
6	185520223145	Nguyễn Văn Hào	28/12/1999	Nam	Đồng Nai	73	Khá	57	57	1	2.80	Khá	
7	185520223161	Lê Anh Tâm	18/08/1998	Nam	Quảng Nam	66	TB Khá	47	47	4	2.53	Khá	
8	185520223115	Ngô Văn Tiến	11/08/2003	Nam	Đà Nẵng	72	Khá	57	57	1	2.19	Trung bình	

V. NGHỀ BẢO TRÌ VÀ SỬA CHỮA Ô TÔ - LỚP TC18CS1 (05 HỌC SINH)

STT	Mã số học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	185520159103	Trần Ngọc Sơn	16/10/2000	Nam	Quảng Bình	81	Tốt	59	59	1	3.08	Khá	
2	185510216111	Cao Quốc Anh Huy	27/08/2000	Nam	Quảng Nam	73	Khá	49	49	0	2.69	Khá	
3	185510216107	La O Diễn	01/01/1998	Nam	Bình Định	71	Khá	49	49	1	2.46	Trung bình	
4	185510216129	Bùi Văn Thọ	29/08/1999	Nam	Quảng Ngãi	74	Khá	49	49	1	2.40	Trung bình	
5	185510216119	Đinh Văn Lúc	03/01/2000	Nam	Bình Định	71	Khá	49	49	1	2.29	Trung bình	

VI. NGHỀ VẬN HÀNH MÁY THI CÔNG NỀN - LỚP TC18VHM1 (04 HỌC SINH)

STT	Mã số học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số TC		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	185520183105	HỒI H	26/05/1999	Nam	Quảng Nam	73	Khá	49	49	1	3.03	Khá	
2	186580205138	Ta Ngôn	19/03/1999	Nam	Quảng Nam	74	Khá	49	49	1	2.77	Khá	
3	186580205131	Cơ lâu	12/01/2000	Nam	Quảng Nam	73	Khá	49	49	1	2.71	Khá	
4	186580205134	A LĂNG	14/12/2000	Nam	Quảng Nam	72	Khá	49	49	1	2.68	Khá	